

ĐẠI VIỆT

TẬP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAISSANT LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS

Giám-đốc : HỒ-VÂN TRUNG



MỤC LỤC

- 1— Lễ kỷ niệm cụ Nguyễn Đình Chiểu, tác giả « LỤC-VÂN-TIÊN »
- 2— Long-Xuyên Đồng Xuyên Cà-mau. LÊ THỌ-XUÂN
- 3— Câu chuyện văn học (Nhà thi sĩ). THIẾU-SƠN
- 4— Gốc tích người Việt-Nam (tiếp theo). LÊ-CHÍ-THIỆP
- 5— Gia đình Đồng-Nai. THƯỢNG-TÂN-THỊ
- 6— « Rương vàng của con tôi » (tiếp theo) TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG
- 7— Ai-linh Miếu (tiểu-thuyết) HỒ BIỂU-CHÁNH



Bao quan ; 5, rue de Reims, Saigon — Giá mỗi số 0 \$ 40

5071

50 71799

LỄ KỶ-NIỆM CỤ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

Ngày 27 Jun 1943, sở Thông-Tin, Tuyên-Truyền và Báo chí hiệp cùng quan Chủ tỉnh Bentre và nhiều nhà thân hào trí thức mà tổ chức lễ viếng mộ cụ Nguyễn-đình Chiểu tại Batrl.

Khi phần hương truy niệm rồi th' ông Ngạc Xuyên Ca-vân Thỉnh, Giám đốc các trường sơ học Bentre đứng trước mộ đọc một bài diễn văn mà kể thân thế và sự nghiệp của cụ Đồ. Kế quan Thống đốc Hoeffel tiếp đọc một bài diễn-văn quốc-âm ngợi khen đức trung hiếu tiết nghĩa là chủ hướng của cụ Đồ, mà cũng là nền tảng của Việt-Nam xã-hội.

Chúng tôi đăng hai bài diễn văn ấy để công hiến cho các bạn đọc thưởng thức.

BÀI DIỄN-VĂN CỦA ÔNG CA-VÂN-THỈNH

Bẩm quan Thống-dốc,

Thưa quý Ngài,



MỘT nhà thi sĩ vô danh tổ lòng cảm mến tài hoa tiết tháo của tác giả LỤC-VÂN-TIÊN, trong một bài thi nhan đề là «ĐỒ CHIỂU», kết lại mấy câu đầy ý nghĩa:

« Khỏe giắc sớm về ba thước đất :

« Giàu mà chi đó, khó mà chi ? »

Thiết tưởng : người đời giàu hay nghèo, trong khi từ già cõi trần, cũng mang theo hai bàn tay trắng,

Sự nghiệp muôn xe, phỏng còn lưu lại bao lâu ? Đời còn thiết chi tới tên tuổi người sản nghiệp ?

Trái lại cụ Đồ Chiểu, mặc dầu nghèo khó, giữ trọn đời khi tiết tài hoa ; cụ khỏe giắc ngàn thu, lưu lại cho con cháu, cho đời, một sự nghiệp tinh thần trường cửu.

Muốn biểu dương sự nghiệp quý hóa ấy, Chánh-phủ tổ chức cuộc lễ hôm nay.

Quan THỐNG ĐỐC NAM KỶ, vì nghĩa cao thượng ấy, không quân đường xa và việc công đầy dẫy, tới dự lễ, đại diện cho nước Pháp, nước Pháp của Đức THỐNG-CHẾ PÉTAIN đang xây dựng lại nền trí thức, đạo đức cổ hũn của văn-minh tinh thần Pháp.

Vinh diệu thay tánh danh cụ ĐỒ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU !

Thưa qui Ngài,

Cùng giờ này, cũng ngày 25 tháng năm Annam, nếu chúng ta đi ngược lại thời gian, 55 năm về trước, cũng tại Batri này, giữa một căn nhà lá ba gian, hai chái, ở phía sau nhà công sở làng An-Bình-Đông, nay là An-Đức, chúng ta trông thấy đông đảo con cháu, môn sanh, thân bằng quyến thuộc, đều tỏ vẻ đau thương trước hải cốt của cha ông, của thầy bạn : nhà kỹ-sĩ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU đã buông hơi thở cuối cùng trong đêm vừa qua, đêm 24 tháng năm, năm Mậu-Tý, nhằm ngày mùng ba tháng bảy tây năm 1888, hưởng thọ được 67 tuổi.

Gần suốt 67 năm trường, thân thể cụ ĐỒ là thân thể :

« Chỉ to kéo hết ra thân nhộng ;

« Hơi tiếng kêu cần nhọc sức ve ! »

Cụ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU hiệu là Trọng-Phu sinh năm Nhâm-ngọ, Minh Mạng thứ ba, 1822, tại làng Tân-khánh (Gia Định) Cụ là con trưởng trong một gia đình sáu người, bốn trai, hai gái. Thân phụ của Cụ là Nguyễn-đình-Huy, người Thừa-Thiên, xã Bồ-diên vào Nam làm một công chức nha thuộc của quan Tổng trấn Lê-văn-Duyệt. Thân mẫu là Trương-thị-Thiệt, một người mẹ hiền sanh trưởng ở làng Tân-khánh.

Hình trạng cụ ĐỒ : theo như lời một người con của cụ nói, và đo bút tích của người đồng thời, cụ có một tướng mạo khôi vĩ, tác người cao lớn. Trong một bài báo l'Indépendant de Saigon, ngày 17 tháng 11 tây năm 1883, ông Ponchon, lúc bấy giờ làm quan Chủ tỉnh Bentre, tường thuật cuộc hội diện ngài với cụ ĐỒ, tại Batri, ngài có tả sơ diện mạo của cụ : « Chính là một ông lão to lớn, đẹp đẽ, vẻ mặt yên lặng, mét mét, mà đầy nét cao quý, ông nói chuyện có vẻ văn hoa và lưu loát.. » Ông Pillet trong một bài báo khác, cũng năm 1883, nói rằng : « Đáng chú ý tới tác cao, vóc mình mạnh dạn, và tóc đen tốt đẹp, chỉ thấy ít ỏi vài làn tóc bạc ».

Đời của cụ ĐỒ là đời khắc khe, phiêu vạt, trải qua bao nhiêu nghịch cảnh. Trong bản LỤC-VĂN-TIÊN in năm 1889, cụ Trương-vĩnh-Ký có đề lời phê bình tác giả : « Chẳng phải bất tài mà là bất hạnh vì bạc mạng ! »

Cụ ĐỒ bạc mạng thật !

Kia năm Minh Mạng thứ 14 (1833), Lê văn Khôi khởi loạn ở Gia Định. Giặc Ngụy-Khôi có ảnh hưởng sâu xa vào tri óc non nớt một cậu học trò mới hai sáu tuổi đầu. Nước xảy loạn,

nhà sanh biến : Cha tìm phương thoát loạn trở về Huế ; Triều đình bắt tội cách cả chức tước. Trẻ thơ sanh trốn theo cha ra kinh thành học tập.

Kia tài cao, phận bạc, khoa thi Hương năm Quý mảo (1843) tại Gia-Định, chỉ đỗ được Tú tài, ra đi thi hội, rủi hay tin mẹ mất. « *Lở bề báo hiếu, lở bề lập thân* ». Trở về lại mang bệnh tới mù cả hai mắt. Kể việc hôn nhân bị lỡ làng « *Linh đình chữ phận, chữ duyên* ».

Kia thời loạn lạc trở lại : binh Pháp lấy Saigon. Nam triều lần lược nhượng sáu tỉnh cho Pháp quốc. Loạn Đốc binh Lã, loạn Trương-Định dấy lên. Thân mù quảng phải chạy giặc về Cần-giộc, sau về trú ngụ tại Batri, làng An-Bình-Đông tới ngày từ biệt cõi trần.

« *Có thân phải khổ với thân,*
« *Thân ôi, cô biết mấy lần chẳng may !* »

Bao nhiêu cảnh khổ nung nấu gan vàng. Tư tưởng Khổng-giáo, sự nghiệp văn chương nẩy sanh từ đó.

Tư tưởng Khổng Mạnh đã thấm nhuần đầu óc cụ Đồ từ lâu

« *Nét mực tu kinh ngăn đũa loạn,*
« *Dấu xe hành đạo trải trong trần.* »

Giữa thời đời đen bạc, cụ định ninh « *trọn đời một tấm lòng son* ». Chữ trung, chữ hiếu, tư tưởng « *tu, tề, trị, bình* » kích thích tâm hồn cụ, khiến cụ phản động lại cảnh ngộ, dặc tư tưởng cụ từ một tín đồ chân thành của Nho giáo tới một nhà chiến sĩ đồng minh :

« *Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,*
« *Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà !* »

Nhà chiến-sĩ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU nhắm thẳng một mục đích : xây dựng đại quốc gia trên nền Khổng học. Muốn đi tới mục đích, cần phải tạo ra đông tay thợ vừa có sức khỏe, vừa có óc trung thành với việc kiến-thiết.

Chính là công trình của nhà giáo dục, nhà y sĩ. CỤ ĐỒ CHIỀU gồm cả hai nhà, cốt để phụng sự giang sơn tổ quốc. « *Chỉ lăm trã nợ nước non* », cụ cố sức trị bệnh « *thể đạo đời ba* », chống nạn « *rượu dầm trong bụng, sắc kẻ bên thân* ».

Sự nghiệp văn chương của cụ không đi ra ngoài mục đích « *cải tạo quốc gia* », mục đích trị bệnh tinh thần, trị bệnh xác thịt của người đồng chủng.

« *Lục-vân-Tiên*, « *Dương-Tà, Hắc-Mâu* », « *Ngũ-kinh gia huấn* »
cùng các bài thi văn khác đều là sách để chữa bệnh tình thần ;
— « *Ngư-tiền vấn đáp* » chuyên về y thuật để chữa bệnh
xác thịt.

Được truyền tụng hơn hết là thơ LỤC VÂN-TIÊN, một quyển
thơ có ảnh hưởng giáo dục sâu xa trong dân gian Nam-kỳ, lại
cũng là quyển sách chứa đầy tâm sự, kỳ vọng của tác-giả.

Đêm hôm tịch mịch, khi chúng ta dạo bước trong chốn thôn
quê, chúng ta thường nghe, từ túp nhà tranh đưa lại với một
giọng ngâm nga trầm bổng, mấy câu thơ Vân-Tiên :

« *Trai thời trung hiếu làm đầu,*

« *Gái thời tiết hạnh là câu trau mình* ».

Quyển luân lý giáo khoa ấy được phổ thông là dường nào !
Đã từ lâu nhiều nhà tri thức Pháp chủ ý tới tập thơ bình dân
ấy, dịch ra tiếng Pháp, và đọc qua để tìm hiểu xã hội Việt Nam.
Cụ ĐỒ CHIỀU nổi tiếng do ở thơ Lục Vân Tiên nhiều vậy.

Thưa quí Ngài,

Thơ Vân Tiên còn, thì thình danh cụ ĐỒ CHIỀU vẫn còn.
Mà thình danh cụ còn thì tấm gương tài hoa, tiết tháo của cụ
không bao giờ tan vỡ.

Quí hóa thay ! tấm gương sáng suốt của người mù tối !

Gương chiến sĩ của người tàn tật,

Gương cao quí của người bần hàn,

Gương sự nghiệp tinh thần trường cửu,

Tấm gương rạng ấy, chính nhà thi sĩ mù NGUYỄN-ĐÌNH-
CHIỀU đã từng ngâm trong bài « *Thuật hoài* » :

« *Sự đời thà khuất đôi trông mắt !*

« *Lòng đạo xin tròn một tấm gương* »

Tấm gương ấy được nhờ người đại diện rất sáng suốt của
QUỐC-TRƯỞNG PÉTAIN treo cao hôm nay cho quốc dân
chung rọi. Đối với tình tri kỷ, đối với lòng sùng bái của đồng
bào, ở tận chốn suối vàng, cụ không thể « *khuất đôi trông mắt* »,
mà trái lại cụ mở bừng mắt ra để xem cuộc cải tạo quốc gia
ngày nay, và sẽ khoả khoải mà ngâm lại câu kết bài « *Thí cãm* »
của cụ :

« *Ngày nào thánh đế ơn soi thấu,*

« *Một trận mưa nhưn rửa núi sông* ».

Bénire 19-6-1943

BÀI DIỄN-VĂN CỦA QUAN THỐNG-ĐỐC HOFFEL

Qui Ngài,

Các Thanh-niên nam nữ,

Xưa kia, nhơn-dân trong xứ Việt-Nam hằng tuân theo luân lý Khổng-Mạnh mà sửa nết trau thân, dồi mài trí thức, gây dựng nên cái nhân-cách, cái gia-đình, cái xã hội mình được tốt đẹp, khiến cho dân tộc khác phải thêm thường, kính trọng. Cái luân lý ấy đã đào tạo được biết bao trai lành, gái tốt, sản xuất biết bao thực-nữ anh-hào.

Còn ngày nay, cái phong trào vật chất, cái chủ nghĩa cá nhân rất thịnh hành làm cho : nào nhân xưa, nào đức trước, nào sách Thánh, nào lời Hiền, dường như bị chôn chặc dưới đồng rêu phong mấy lớp, mà rồi luân lý Khổng Mạnh là nền tảng nhân phẩm, gia đình, xã hội cũng vì đó mà lung lay sắp đổ.

Cái hiện trạng như thế, ai là người ưu-thế mãn-thời, ai có chút tâm-hồn đạo-đức, đều phải nhìn nhận hiển nhiên là thế.

May thay, trong lúc nguy ngập ấy, lại có một mạng linh chấn bùng phong hóa, vẫn cứu tinh thần, do nơi Thống chế PE-TAIN ban hành ra, rồi từ Pháp truyền Nam, không mấy chốc mà được phát dương bành trướng. Đó cũng nhờ nhiều vị trong bậc thượng lưu trí thức, từ bấy lâu, nuôi nấng tấm lòng vẫn cố hồi phong, được Chánh-phủ hưởng dầu, tán trợ, khuyến khích, rồi đua nhau, tom góp tài liệu dựng gầy dựng lại cái nền luân lý qui bấu kia, chỉ mong thiết hành cái chủ nghĩa PHỤC HUNG của Quốc-Trưởng.

Hôm nay, cuộc lễ kỷ-niệm Cụ NGUYỄN-ĐÌNH CHIỂU, một bậc vác-nhân tài hoa đất Việt mà lại là tác giả quyển LỤC-VÂN-TIÊN, Bốn-chức vi như một tảng đá trụ cốt để giúp vào cuộc kiến lập nền phục hưng ấy cho quốc dân nhờ.

Thật vậy, Cụ soạn ra quyển LỤC-VÂN-TIÊN, cốt ý là đề giáo huấn bọn môn sanh, sau nữa để răn đời khuyên chúng, cho nên từ đầu chí cuối, Cụ đem cái học thuyết Khổng Mạnh và cái luật nhân quả báo ứng ra mà phô diễn.

Vừa nhập đề thì Cụ bảo rằng :

Hỡi ai ăng lạng mà nghe

Dữ răn việc trước, lánh dè thân sau

Trai thời trung hiếu làm đầu

Gái thời tiết hạnh là câu trau mình

Rồi toàn trong truyện, Cụ dùng những lời lẽ giản dị thông thường, nhưng thanh tao lưu loát mà phu-giáo Tam cang ngũ thường, Tam tưng tứ đức, thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo. Những vai ; Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga, Hồn Minh, Tữ Trục, Tiểu đồng, Trịnh Hâm, Võ Thế Loan, vân vân... mỗi vai đều tiêu biểu, đều làm gương sống riêng cho thuyết Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa, Liêm sĩ, vô đạo, bất đức, rồi kết cuộc được thắng thưởng hay bị hành phạt, khiến cho mọi người dễ hiểu, dễ cảm, bất luận là thuộc về giai cấp nào trong xã hội.

Chấm dứt truyện, Cụ kết luận như vậy :

Mới hay muôn sự ở đời,
Hai người trời hại, cứu người trời thương.
Làm người hề có luân thường
Nặng mưa chẳng sợ tai ương chút nào
Làm người phải nghĩ mấy nao
Cây quyền cây thế được sao với Trời
Thanh bần giữ phận an vui
Nói nhân giữ nghĩa có hồi sấm vang.

Nói tóm lại, quyển Lục-Vân-Tiên gồm cả Tứ-Thơ Ngũ-Kinh, hay là một quyển Phong-hóa tạp-giải rất linh-hoạt vậy. Còn cuộc lễ kỷ niệm Cụ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, hay nói đúng hơn nữa là cuộc lễ khai quật cái áng văn kiệt tác của Cụ ra khỏi nấm mồ di-vong và làm cho được truyền tụng như xưa, Bốn chức tướng là rất hợp thời và sẽ giúp ích chẳng nhỏ cho trào lưu văn hồi luân lý.

Vì thế mà Bốn chức dễ lời khen ngợi, cả thấy chư vị trong ban tổ chức có cái sáng kiến thiết ra cuộc lễ này, và có cái nhiệt tâm cùng nghĩa vụ đối với đồng bào và quốc gia trong lúc chúng ta lo cho Pháp-Việt Phục-Hưng.

Luôn dịp đây, Bốn chức khuyên cả thầy thanh-niên nam-nữ nên biết rằng : Thanh-niên là hi-vọng và tương lai của Pháp-Việt ; thanh-niên là những chiến-sĩ sau này để đảm đương gánh vác bảo trợ duy-trì công-cuộc Phục-Hưng ấy. Bởi vậy, thanh-niên chẳng những phải lo đào-tạo trí thức thể-lực, mà lại còn phải chuyên cần trau-triã tinh thần, nên dùng quyển LỤC-VÂN-TIÊN làm kinh nhựt-tụng, mỗi ngày đem ra thiết-hành, biết ao-ước tiếng liêm-sĩ, thêm thuồng danh trung biểu, yêu chuộng gương trinh-liệt, đem tinh thần như thế mà phụng sự gia-đình, xã-hội và quốc-gia, thì cái cao vọng PHÁP-VIỆT-PHỤC-HƯNG sẽ hoàn toàn kết-quả.

LONG-XUYÊN - DÔNG-XUYÊN - CÀ MAU



NG Tổng-lý báo này vừa chuyển đến tôi lời hỏi của một độc giả và bắt tôi trả lời. Vị độc giả này hỏi vì sao trên mấy tấm họa đồ treo ở Gian Lịch-sử trong Hội chợ Saigon vừa rồi và trong bài « Theo dấu Cao-hoàng » (Namkỳ số 18), tôi để Longxuyên ở về tỉnh Bạcliêu rồi có chưa thêm hai chữ Càmau ở sau.

Muốn làm vui lòng bạn đọc và muốn biện minh những chỗ dễ lầm về địa dư và lịch sử nước nhà, tôi xin trả lời.

LONGXUYÊN NGÀY NAY.— Long-xuyên này là chỗ nêu thạnh-danh, nhắc sự nghiệp của hai vị có công to với cuộc Nam-tiến của dân tộc ta và sự giữ yên đất nước. Tôi muốn nói Nguyễn-hữu-Cảnh mà ta quen gọi là « Ông Chưởng » (Lịch ông Chưởng, cũ lao ông Chưởng, chợ ông Chưởng (nay gọi chợ mới), đền ông Chưởng) vì ông làm chức Chưởng cơ (sau tặng Chưởng dinh), tước Lễ thành hầu (sau sửa Lễ tài hầu) và Nguyễn văn Thoại mà ta quen gọi là « Bảo hộ Thoại » vì ông lãnh Bảo-hộ Cao miên quốc ấn, tước Thoại ngọc hầu.

Mà Long-xuyên ngày nay thì xưa gọi là chi? — Thưa nó đã có tên Cao-miên của nó là Ba-Rách (1).

Trước kia, Longxuyên ngày nay không phải là nơi thị tứ, nên các sách địa dư xưa không nói tới, chỉ nói rạch Ra-rách như «Nhứt thống dư địa chí» (2) ở quyển thứ 7 (về tập III, trang 81b, bản chép tay của tôi).

Đến ngày Thoại-ngọc hầu đào kinh Longxuyên Rạchgiã—kinh mà vua Gia-long cho tên là «Thoại-hà», chảy ngang núi Sập mà vua cho tên là «Thoại-sơn» để ngàn năm ghi công vị lão thần Nguyễn-văn-Thoại—chẳng những ta không thấy gọi cái tên

(1) Một hôm đi tàu Longxuyên. Núi sập tôi được nghe một hành khách nói với tôi rằng hiện nay người Cao miên còn nói «Tu Barách» là «Đi Longxuyên.»

(2) Bộ sách địa dư này chia làm mười quyển do Binh-bộ Thượng-ho Mãn-chánh-hầu Lê quang Định viết xong trong năm Gia-long thứ 5 (1806).

Long Xuyên, mà «*Thực lục đệ nhất kỷ*» (3), quyển 56, trang 12a còn chép *Barách* ra *Tam-khé*. Chắc hẳn là người chép sử lúc ấy không viết chữ *rách* với «bộ 𠂔» mà viết với «bộ Thủy» (4) thành đọc nhầm là *Rach* ; rồi vì có chỉ dụ của vua Minh - Mạng dạy dịch tất cả các tên hãg chữ nôm ra chữ hán, người ta dịch *rach* ra *khé* (khe nước) ; bởi thế *Barách* hóa thành *Tam-khé*.

Lại không thấy đâu nói rõ *Ba rách* thuộc về Châu-đốc đạo (Châu đốc) hay Trấn giang đạo (Cần thơ) hay Cường thành đạo (Lấp vò), chỉ thấy «*Gia định thành thông chí*» (5) trang 173b (bản chép tay của tôi) chép rằng ngày mồng một tháng năm năm Gia long 12 (1813), cải định phạm rộng từ nửa Sông Sau (Hậu giang) tới ranh Hà tiên, Kiên giang, Long xuyên, dài từ cửa Ba-thắc (Basac) tới Châu đốc — gồm cả các cù lao trong Sông Sau — hiệp làm một huyện gọi Vĩnh định huyện và vì đất tuy rộng mà dân chưa đông, nên chưa phân làm tổng mà chỉ chia làm làng và điểm. Hiện nay hãy còn nhiều làng giữ đúng tên xưa như Bình đức, Mỹ phước, Thới thuận, Tân thuận đông, Tân lộc đông, Bình thủy, v. v...

HAI CHỮ ĐÔNG-XUYỀN. — Cứ như trên thì vùng Long-xuyên ngày nay trong thời Gia-long trở về trước gọi là *Ba-rách*. Đến năm Minh-Mạng 3 (1822), ở bia của Thoại-ngọc hầu cho khắc dựng tại núi Sập (Thoại sơn), ta mới thấy dùng ba chữ «*Đông xuyên cảng*». Rồi qua năm Minh Mạng 9 (1828) ta lại thấy Thoại ngọc hầu nhắc lại ba chữ ấy ở trên bia dựng tại núi Sấm (Vĩnh tế sơn).

Vậy hai chữ *Đông xuyên* đã có từ đó. Mãi đến tháng 10 năm Minh Mạng 13 (1832), sau khi Lê văn Duyệt chết, vua cho Phan Giản thành làm sáu tỉnh. Bởi thế mới có tỉnh An giang. Tỉnh này có hai phủ : Tân thành (nay là phía Sadéc), Tuy biên (nay là phía Châu đốc) và bốn huyện : Vĩnh an, Vĩnh định, Đông xuyên và Tây xuyên.

(3) Bộ sử này là của Ủy-ban văn chương «*Phan thanh Giản*» trong Nam kỳ Tri Đức Thế đệ-hội, gồm có Tiểu-biên (13 quyển), đệ nhất kỷ (62), đệ nhị kỷ (222), đệ tam kỷ (74), đệ tứ kỷ (71), đệ ngũ kỷ (9), đệ lục kỷ (12) và Đông khánh chánh yếu (7) Khải định chánh yếu (10), cả thảy : 480 quyển.

(4) Trong «*NAM KỶ ĐỊA DƯ CHỈ*» Duy minh thị cũng viết chữ «*RACH*» với «*bộ thủy*».

(5) Bộ sách này của An toàn hầu Trịnh hoài Đức viết trong thời Minh Mạng.

« Thực-lục đệ-nhi-kỹ », quyển 85, trang 13a chép rằng ở phía đông Hậu giang thì gọi Đông xuyên, ở phía tây thì gọi Tây-xuyên. Còn ở trang 35 trong « Dư đồ thuyết lược », Trương-vĩnh-Kỷ chưa Đông xuyên là Cai vưng, An xuyên, là Nha môn, thuộc phủ Tân thành (Sadek), và Tây xuyên, sách in lầm ra Tây xuân, là Cai vưng, Ba rạch. Long xuyên, thuộc phủ Tuy biên (Châu-đốc). Về sau không thấy dùng chữ Tây xuyên mà chỉ dùng chữ Đông xuyên, nhứt là người Tàu như trên bảng xe hơi đồ, như trong « Việt nam đại quan » trang 231 : Long xuyên tỉnh để Đông-xuyên tỉnh.

Quyển « Monographie de Longxuyen » cũng chép : « Après la conquête, le phủ de Tuy-biên se fusionna avec le huyện de Đông xuyên et forma un arrondissement qui prit le nom de Longxuyen » (Sau khi thuộc Pháp, phủ Tuy biên nhập với huyện Đông xuyên và lập thành một địa hạt lấy tên là Longxuyen).

Đây là về năm 1868. Bấy giờ trong những công văn, người Pháp thường dùng lẫn lộn khi thì Đôngxuyen (Inspection de Đông-xuyen), khi thì Longxuyen (inspection de Longxuyen) để chỉ tỉnh mới này. Nhưng cứ theo họa đồ của ông Maenen vẽ trong năm 1861 1862 và in năm 1865 tại Paris thì chữ tỉnh lý Long-xuyen ngày nay có «chợ Longxuyen», còn Đông-xuyen huyện thì ở về vùng Tân-châu bây giờ. Lăn lăn về sau, hai chữ Đông-xuyen bị mất mà chỉ dùng hai chữ Longxuyen. Và tức là Longxuyen ngày nay.

LONG-XUYỀN NGÀY XƯA.— Longxuyen ngày nay thì có tên cũ là Ba-rach, Đông-xuyen hay Tây-xuyen, còn Longxuyen ngày xưa thì nay là đâu ?— Thưa, nay là Cà mau, cái tên do tiếng Cao miên Tuc Khmau (nước đen) mà gọi trại ra. Và đây là bằng cứ:

Trong quyển « Indochine du Sud » (Guide Madrolle) trang 48 có câu về Cà mau : « Ancien pays cambodgien constitué au XVIIIe S. le huyện Annamite de Longxuyen relevant de Hàtiên ». (Xứ của Cao miên mà từ thế kỷ 18 lập thành huyện Long-xuyen của Annam thuộc tỉnh Hàtiên). Còn trong quyển « Histoire et Description de la Basse Cochinchine » — bản dịch của bộ « Gia định thành thông chí » — ở trang 45, Aubaret chú thích : (1) (Long-xuyen) Dans le Sud de la province de Hàtiên (Ở về phía nam tỉnh Hàtiên).

Nếu bạn còn ngờ thì ta hãy cùng nhau làm bài toán nhỏ để
giống đường đất cho rõ xa gần : (6)

Từ Kinh sư (Huế) tới Gia định thành (Sài Gòn): 506.507 tầm,

— — tới Vĩnh-trấn (Vĩnhlong): 562.938 tầm 4 thước

— — tới Longxuyên : 666.108 tầm 4 thước.

Vậy từ Sài Gòn tới Vĩnhlong 56.431 tầm 4 thước.

Từ Vĩnhlong tới Longxuyên 103.170 tầm.

Thế thì Longxuyên đây là Camau nên đến Vĩnhlong mới xa
hơn Vĩnhlong đến Sài Gòn những 46.738 tầm và 1 thước, chớ nếu
là Longxuyên bây giờ thì làm sao xa hơn được.

Còn cứ theo « Gia định thành thông chí » thì ở trang 180 a,
ta thấy mấy chữ « ở Long-xuyên hải ngoại » rồi « chí Long-
xuyên hải phận ». Nếu là Longxuyên ngày nay thì làm gì ở
gần biển được. Bằng còn ngờ bờ biển ngày xưa vào tới gần mè
Hậu giang thì lúc ấy Camau và Rạch-giá ở đâu ?

Phương chí, do quyền sách này của Trịnh Hoài Đức và do
« Thực lục », ta rõ rằng từ năm Mậu thân (1788) hai đạo Long
xuyên (Camau) và Kiên giang (Rạch giá) nhập về Vĩnh trấn
đinh (Vĩnh long), rồi đến năm Gia long 9 (1810) mới cho trở về
Hà tiên trấn. Và mùa xuân năm Gia long 7 (1808), như Gia-
định trấn cải làm Gia định thành, Vĩnh trấn dinh, cải làm Vĩnh
thanh trấn, hai đạo Long xuyên, Kiên giang đổi thành hai huyện
và mỗi huyện có hai tổng. Đến thời Minh Mạng, mỗi huyện
này cũng vẫn còn hai tổng: Long xuyên có Long-thủy và Quảng-
xuyên, Kiên-giang có Kiên định và Thanh-giang. Hiện nay tên bốn
tổng này và tên nhiều làng xưa vẫn còn ở vùng Camau, Rạch giá.

Kể sách xưa rồi ta cũng nên kể sách gần đây. Năm Nhâm-
thân (1872), một người có công lớn trong việc khảo cứu về
địa dư và lịch sử Nam kỳ là Duy minh thị có xuất bản một
quyển sách bằng chữ Hán, nhan đề là « Nam kỳ địa dư chí ».
Trong quyển này, ở trang 39 a, ông chép :

« Ở tỉnh An-giang có Thoại-hà », rồi ông chưa ở dưới « lục
danh Ba rạch » (chữ rạch có bộ thủy), rồi ông lại chú ở trên
« kim thiết Long xuyên tham biện » và ở trang 44a, về tỉnh Hà
tiên, ông viết: « An-biên phủ tam huyện: Hà-châu-huyện, Long-
xuyên huyện, Kiên-giang huyện ».

(6) Theo « NHẤT THỐNG DƯ ĐỊA-CHỈ », quyển 1, trang 43a-b

Và, theo tài liệu của người Pháp thì liền sau khi lấy ba tỉnh phía tây Nam kỳ, Thủy sư đề đốc De La Grandière ra nghị định ngày 15 Juin 1867, phái Lemonnier de la Croix đến trấn nhậm Long xuyên huyện và đóng huyện lỵ tại Cà mau. Nhưng vì Lemonnier bị bệnh, ngày 1er Juillet 1867 có nghị định khác cho Escanyé đến trấn Cà mau, thuộc Hà tiên tỉnh (Excursions et Reconnaissances n. 1)

Còn nói theo sử của Quốc sử quán thì «*Thực lục đệ nhất kỷ*» quyển 1, trang 3a, chép : «*Duệ Tôn hánh Cần thơ (chùa : tức Trấn giang đạo thuộc An giang tỉnh), làm « hánh Long xuyên (chùa : thuộc Hà tiên tỉnh). Để (chữ Nguyễn Ánh) độc thoát thừa châu bạc Khoa giang (7) (chùa : thuộc Long xuyên huyện) đục thừa dạ giá hải dĩ tị tặc* ».

Vậy Longxuyên là Camau, nên trong lúc Tây sơn áp bắt Duệ-Tôn, chúa Nguyễn-Ánh một mình thoát nạn, do Khoa giang ra biển rồi thẳng tới Thổ châu-dự. Hòn đảo này người Pháp gọi là Poulo Panjang, ngang Cà-mau chứ không phải là cù lao bên Xiêm theo như Đặng-thức-Liêng tiên sanh đã chú thích trong «*Đại-Việt*» số 1. Còn Khoa giang là ngọn rạch thông với sông ông Đốc, mà sông ông Đốc này thì «*Thực lục*» của Quốc-sử quán cũng như «*Đại-Nam Thực lục chánh biên*» do Duy-minh-thị khảo hiệu (8) đều chép là Đốc công hải khẩu ; về chỗ Đốc công hải khẩu này Đặng tiên sanh dịch ra Đốc Vàng (trong «*Đại Việt*» số 1) giải rằng «*Xứ Đốc Vàng thuộc tỉnh Long xuyên bây giờ*» trong «*Đại Việt*» số 7. Có lẽ tiên sanh lầm Đốc công giang ở Long xuyên xưa (Càmau) ra Đốc Vàng thượng và Đốc Vàng hạ ở Long xuyên nay và lại ở về phía Tân an, Mỹtho.

Rõ ràng Duệ-Tôn bị bắt tại Long xuyên xưa (Càman), vậy chữ «*Đông*» trong câu hát :

«*Ngồi buồn nhớ chùa ta xưa,*

ĐÔNG-XUYỀN để giận bao giờ cho người »

là sai, ta nên đem chữ «*Long*» trả vào cho đúng.

Cũng vì lầm Longxuyên của vua Duệ Tôn và Chúa Nguyễn-Ánh với Long-xuyên của Lê-thành-hầu và Thoại ngọc-hầu mà Thượng tôn Thị tiên sanh khần biết xin lập bia kỷ niệm vua Duệ-Tôn tại Longxuyên nay.

8. Khoa giang thì nay gọi Tác Thủy, vì trước xưa gọi là Tác Thủ Khoa.

«8» Bộ này có 3 quyển, xuất bản năm Quý dậu 1973.

Và cũng vì lắm như thế nên vừa rồi tiên sanh đặt một bài
Ca trù mở đầu bằng câu :

«Longxuyên là đất hưng vương»

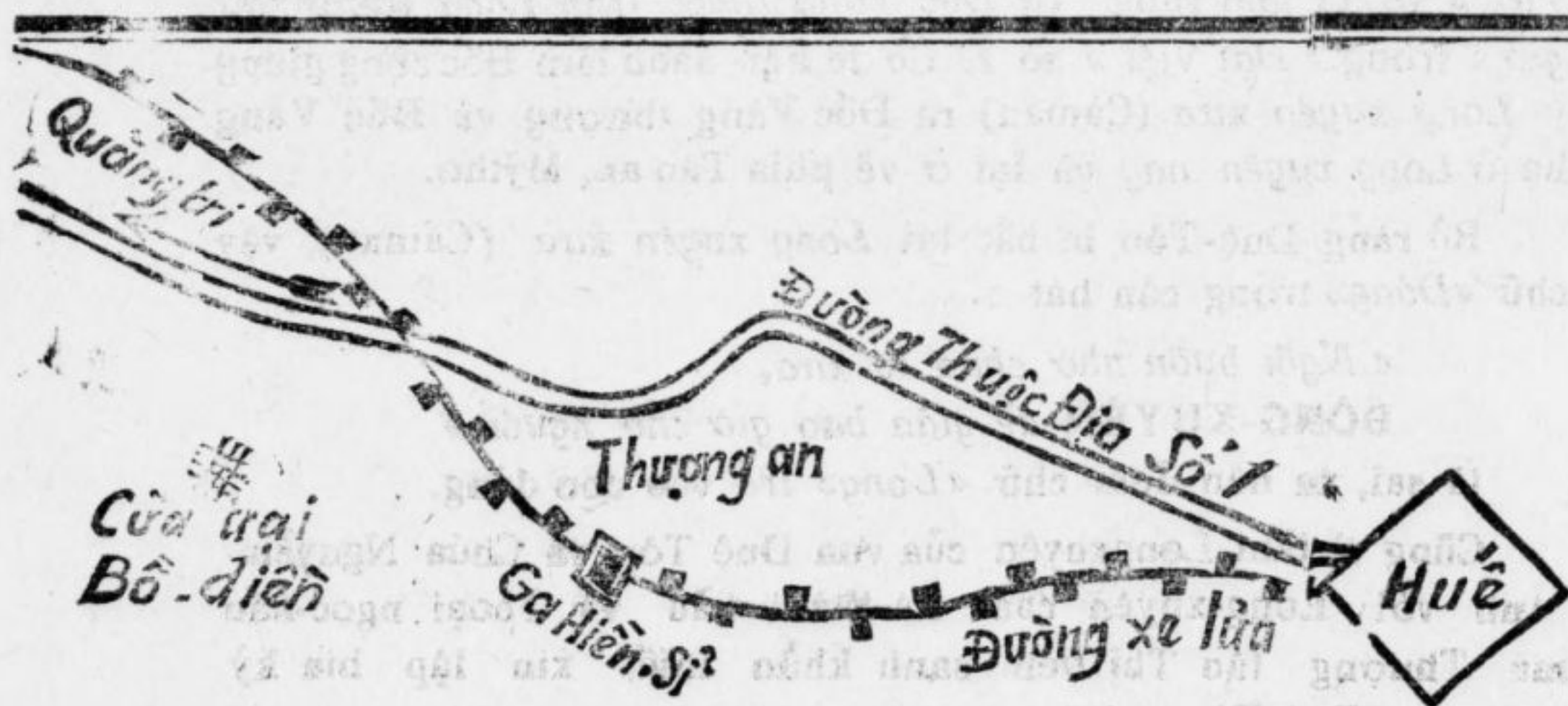
Đây chẳng qua là một ít sách chắc chắn — thứ sách làm
nền gốc — chứ những sách có chua Long-xuyên là Cà-mau thì
nhiều lắm.

Vậy Cà-mau cũ tức là Longxuyên xưa và Longxuyên XƯA
tức là Cà-mau NAY, và muốn cho dễ nhớ, tôi mời bạn đọc
yêu qui đọc đoạn này trong « Thực-lục tiền biên », quyển 19,
trang 30 a mà tôi xin lược dịch ra dưới đây :

« Thời vua Thế-Tôn (Hiếu-Võ hoàng-đế, Võ-vương), năm
Đinh-sửu (1757) : Lại lập Đông-khẩu-đạo ở xứ Sadéc, Tân-
châu đạo ở Tiền giang, Châu đốc đạo ở Hậu giang và dùng
binh ở Long hồ dinh (Vĩnh long) để trấn áp. Bấy giờ, Nặc Tôn
(vua Chơn Lạp) lại cắt năm phủ Hương úc, Cần vọt, Chân sum;
Sài mạt, Linh quỳnh để dâng ơn Mạc thiên Tứ. Sớ dâng về triều
Võ-vương cho nhập về Hà liên ».

Mạc thiên Tứ lại xin trí RẠCH GIÁ làm KIÊN
GIANG ĐẠO và CÀ MAU làm LONG XUYỀN ĐẠO ».

LÊ THỌ-XUÂN



Xã Bồ-diên (Thừa thiên) quê cụ Nguyễn-dinh-Hay thân phụ
của cụ Đỗ Chiêu. (Xem bài diên văn của ông Ca-văn-Thỉnh)

CÂU CHUYỆN VĂN-HỌC

NHÀ THI-SĨ



ĐÂY đây một thế kỷ, ở xứ Provence về miền Nam nước Pháp, có một chàng thanh-niên 21 tuổi, sau khi đậu cử nhân luật về làng được cha kêu lại, ôn tồn mà nói :

— Con ơi, bây giờ cha đã làm hết bổn phận của cha rồi. Con được học nhiều hơn cha về thuật trước. Tự con được lựa chọn nghề nghiệp của con. Cha cho con tự do đấy.

Không biết chàng đó trả lời với cha chàng làm sao, nhưng chàng có lời kỹ thuật như sau này :

« Lập tức tôi liệng vô bụi bộ áo thầy kiện của tôi và tôi hoan
« hĩ đứng ngắm cái mà tôi thương yêu hơn hết : cái cảnh sắc rực
« rỡ của xứ Provence ».

Chàng nói rồi chàng làm. Nhưng không phải chàng chỉ ngắm nhìn mà chàng còn diễn tả. Sau đó chàng trở nên một nhà thơ bất hủ, một thi sĩ không dùng quốc ngữ Pháp mà dùng thổ ngữ xứ Provence.

Thi nhân đó là Frédéric Mistral, tác giả tập thơ trữ danh Mireille.

Cái thiên tài của ông, người đương thời đã công nhận, thời gian đã duyệt y.

Tôi nhắc tới ông ở đây không phải là để ca tụng ông, nhưng chính là muốn nói tới một người cha hơn từ quá dễ dãi.

Cho con ăn học tới bậc cử nhân luật mà cũng cứ vui lòng cho nó lột áo luật sư mà làm nhà thi sĩ.

Cũng thời đó có một thi nhân khác khi ra đời thì cha đã tóc bạc mà mẹ còn thanh xuân.

Rồi cha từ trần, mẹ tái giá, chàng dan díu với Nàng Thơ nhưng chàng đã bị rầy la thậm tệ.

Nhơn đó mà chàng có bốn câu thơ rằng :

Lorsque par un decret des puissances supremes
Le poète apparait en ce monde ennuyé,
La mère, épouvantée et pleine de blasphèmes,
Crispe ses poings vers Dieu qui la prend en pitié.
Tôi xin dịch một cách nôm-na thiếu thốn :

Khi có sắc lệnh thiên đình
Mà nhà thi sĩ được sanh ra đời
Mẹ chàng sưng sốt rửa trời
Dơ tay khiến khóc khiến ngai phải thương.

Người viết ra mấy câu thơ chua chát đó là Charles Baudelaire, một quái kiệt trong làng thơ nước Pháp.

Rộng lượng như thân phụ của Mistral thật trên đời ít có.
Còn những bà mẹ la trời trách đất, vì con bị Nàng Thơ quyến rũ há đâu phải thiếu dạ thương con ?

Chính vì quá thương con mà muốn cho con làm nghề gì khác hơn là làm thi-sĩ.

Mà phải. Khi thiên hạ ngó xuống thì nhà thi-sĩ hay ngước mắt nhìn lên.

Ngó xuống thấy đường đời rõ rệt đi không vấp, chạy không té, sự thành-công thường ít nổi khó khăn.

Nhìn lên thấy không trung bát ngát, linh hồn bị mắc miu ở cõi xa xăm nên thân thể hay trôi nổi trong cảnh đời mưa gió.

Tuy nhiên, sắc lệnh Thiên đình bao giờ cũng có thể lực hơn cả oai quyền của cha hay ý muốn của mẹ.

Nhà thi sĩ ngay từ lúc phôi thai đã có những khuynh hướng khác thường và những khả năng đặc biệt.

Chàng như một con thú lạc đàn giữa nhơn gian xã hội.

Khao khát những cái thiên hạ không màng, chàng thường lánh dăm với những cái người tha thiết.

Đời thích giàu sang, ham quyền quí, lặn hụp trong nhơn dục tư lợi, mài miệt trong giấc mộng phù sanh.

Nhà thi sĩ ngậy ngất với ánh bình minh, hân hoan trước vầng trăng sáng khi siêu thoát trên đỉnh núi cao, lúc trải lòng trên làn sóng bạc.

Tâm hồn chàng thường trong sáng phiêu nhiên, tình cảm chàng rất dồi dào phong phú.

Bên Tàu có Tô-dông-Pha là tay thi bá. Thơ văn ông để lại rất nhiều, nhưng trứ danh hơn hết là hai bài « Phú Xích Bích », Bài « Tiễn Xích Bích » có đoạn tả cảnh chơi thuyền đêm trăng mà ông Phan kể Bình đã dịch như sau này :

« Một lát, mặt trăng mọc trên núi Đông-sơn, đi lững thững
« trong khoảng hai sao Ngưu, Đẩu.

« Khi đó sương tỏa trên mặt sông, vẻ nước trong tiếp đến
« chun trời.

« Tha hồ cho một chiếc thuyền nhỏ đi đâu thì đi, vượt qua
« trên mặt nước mình mông muôn khoảnh. Nhẹ nhàng như
« cỏi gió đi trên không mà không biết là đi đến đâu, hơn hồ
« sung sướng như người quên đời đứng một mình mọc cánh mà
« bay lên tiên...»

Mấy câu đó cực tả được cái phong độ của nhà thi sĩ.

Giữa cảnh nước, trời gặp gỡ, ông sung sướng như mọt cánh mà bay giữa không trung.

Lúc đó ông hầu như quên hết cả trần gian tục lụy.

Nhưng tục lụy ở trần gian đâu phải nhờ ông hay những người như ông mà hết được.

Hồn thơ cứ việc bay bổng lên cao.

Cảnh đời vẫn cứ lê tè nơi mặt đất. Nhà thi sĩ nào có bồ ích gì cho ta ?

Vậy mà già thiết một ngày kia không có họ, ta sẽ thương nhớ và tiếc rẻ vô cùng.

Họ là người, ta cũng là người.

Họ có đầu óc ta cũng có đầu óc.

Họ có tâm hồn ta cũng có tâm hồn.

Nhưng ta là người chịu sự câu thúc của đời mà họ lại muốn gỡ dây để giải thoát. Ta có đầu óc để tranh danh đoạt lợi mà đầu óc họ lại dùng để nghĩ đến những chuyện cao xa.

Tâm hồn ta thường bị bụi trần nó làm cho xấu xa mờ ám, nhưng tâm hồn họ lại sáng suốt để phản chiếu những hình ảnh kỳ thú của tạo vật và thế gian.

Phần nhiều thì ta có thể quên họ để sống cái đời riêng của ta.

Nhưng sao lại có lúc ta thấy như ta còn thiếu một cái gì như ta mất một vật gì quý báu lắm.

Ta cảm thấy đầu óc ta mờ tối, lòng dạ ta khô khan, rồi ta phản động lại mà muốn tránh xa cảnh phồn hoa náo nhiệt.

Ta ra bãi biển để vẫy vùng. Ta lên núi cao để hứng gió. Ta thấy hơi hơi dễ chịu, nhưng ta cũng chưa có cái hứng cảm của thi nhân.

Lúc đó ta mới kiếm họ mà đọc rồi ta nhờ con mắt họ nhìn ngắm giúp ta.

Tập theo họ, ta kỷ lưỡng hơn, ta tỷ mỉ hơn, ta nhìn bằng con mắt hữu tình, ta cảm bằng tấm lòng hữu ái.

Rồi ta thấy ở những vật vô tri tiết ra một cái gì linh động và ngay trong đời sống mỗi ngày cũng có biết bao nhiêu thi vị mặn nồng.

Ta thấy mặt trời mọc có những tia sáng rực rỡ khiến cho ta bằng hai má làm việc.

Ta thấy mặt trời lặn có những màu sắc dịu dàng làm cho lòng ta thanh thoi mà yên nghĩ.

Ta thấy ở người đàn bà ngoài cái đẹp về hình thức còn có cái đẹp huyền ảo xa xăm.

Ta thấy cảnh gia đình ngoài những lợi quyền và nghĩa vụ còn biết bao nhiêu hình trạng nên thơ, nên mộng.

Phải đọc thơ mới thấy cái thi vị của đời. Mà cõi đời vô thi vị là cõi đời không đang sống.

Tân-Đà tiên sinh hơn ngắm một bức tranh Sơn Thủy mà nghĩ ra lời « Thề Non Nước » như sau này :

Nước non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi không về cùng non
Nhớ lời nguyện nước thề non
Nước đi chưa lại non còn đứng không.
Non cao những ngóng cùng trông,
Suối khô giòng lệ chờ mong tháng ngày.

Bài thơ trên đây tôi chỉ trích có một đoạn đầu. Trong đó có một chữ thi sĩ đã sửa đi, sửa lại mất hai lần.

Trước hết là :

Suối tuôn giòng lệ chờ mong tháng ngày.
Nhưng thi sĩ cho như thế là chưa được.

Ở khe núi có suối nước chảy ra.

Song, nước đi, đi mãi không về, nên núi nọ mới ngóng trông mà tuôn hàng lệ thấm.

Nhưng khúc « tuôn lệ » chưa thiết tha bằng khúc « rạo lệ ».
Bởi thế nên sửa lại :

Non cao những ngóng cùng trông,

Suối khô giòng lệ chờ mong tháng ngày.

Con mắt thi nhơn nhìn sông núi mà thấy nước non lời hẹn lời thề. Huống chi còn bao nhiêu cảnh tình thâm thiết giữa người với người, giữa đồng loại với nhau, nếu không có ngọn bút thi nhân sực có ngày ta không còn đề mắt, đề lòng tới.

Thi nhơn giải thoát tâm hồn ta khỏi sự thao túng của đời vật dục, nhưng thi nhơn lại dễ vào đó biết bao nhiêu mỹ cảm mỹ tình.

Một nhà danh sĩ Pháp hiện làm Tổng trưởng bộ Học. Ông Abel Bonnard, có nói mấy câu này :

« Các ông rần mà sống trong thi vị. Đời các ông về hình thức vẫn « Y nhiên như vậy, nhưng thật ra thì nó đã thay đổi hoàn toàn. »

(Tâchez de vivre dans la poésie. Votre vie restera apparemment la même, elle sera entièrement changée).

Đời là đời. Thơ là thơ. Nhà thi sĩ không thể nào thay đổi cảnh đời được. Nhưng mặc cho cảnh đời không thay đổi, chúng ta chỉ cần thay đổi cái không khí tinh thần của nó mà thôi.

THIỆU-SƠN

GỐC-TÍCH NGƯỜI VIỆT-NAM

VII — CHUNG-TỘC VÀ NGÔN-NGỮ



ƯA theo truyền thuyết, ta thấy có nhiều lý lẽ bắt phải nghĩ rằng người Văn - lang, nguyên thủy ở lưu-vực sông Dương - tử. Mà vùng ấy, chắc có nhiều giống dân, chứ không lẽ chỉ có một giống dân mà thôi. Trong sử sách xưa của người Tàu đã có chép đến nào dân *Man*, dân *Miêu*, hoặc dân *Lê*. Huống chi dân *Miêu* và *Lê* cũng có nhiều, vì người Tàu gọi *Tam Miêu*, *Cửu Lê*.

« Trong sách *Đông-dương Sử yếu* có nói : « Dân *Giao* chỉ tức là gốc ở giống *Tam-Miêu Kinh-Man* sau bị dân *Hàn* đánh đuổi mới dần dần dời về Nam ». — Trong *Việt-nam sử-lược* có đoạn : « Lại có nhiều người Tàu và người Việt-nam nói rằng nguyên khi xưa đất nước Tàu có giống *Tam Miêu* ở, sau giống *Hàn-tộc*, tức là người Tàu bây giờ, ở phía tây bắc lại đánh đuổi người *Tam-Miêu* đi, chiếm giữ lấy vùng sông *Hoàng-hà* lập ra nước Tàu, rồi dần dần xuống phía nam, người *Tam-Miêu* phải lần núp vào rừng hay là xuống ở miền Việt-nam ta bây giờ » (*Việt-nam cổ văn-học sử*)

Tổ tiên của người Việt nam phải thuộc về giống *Tam-Miêu*, hay *Kinh-Man* chăng ? Trước khi vẽ lại lịch sử người Văn-lang, tưởng cần phải giải quyết vấn đề nhân chủng này đã.

Trong bài trước chúng tôi có nói đến *Miêu tộc*. Đó chẳng qua là một chữ mà chúng tôi dùng theo nghĩa rộng của nó, như người Tàu thường dùng, để chỉ danh những dân ở dọc theo sông Dương tử. Người Tàu ngày xưa gọi các dân vùng ấy là *Man*, *Tam Miêu* hoặc *Cửu Lê* mà hình như không để ý phân biệt ra chút gì.

Những chữ này, về phương diện sinh hoạt, cũng có thể cho ta biết được rằng dân *Man* chuyên nghề *tơ tằm*, vì người Tàu viết chữ *man* có chữ *trùng* (tằm) và chữ *mịch* (tơ) còn dân *Lê* thì trông tựa nếp : trong chữ *lê* có chữ *thứ* (nếp), và dân *Miêu*, như đã thấy trong bài trước, thì chuyên nghề làm ruộng.

Trái lại, về phương diện *chủng-tộc* thì những chữ ấy không cho ta biết được điều gì đích xác cả. Thế nên muốn bản đến các giống dân ngày xưa ở theo lưu vực sông Dương-tử, ta phải xét qua các hậu duệ (descendants) của họ, tức là những bộ lạc còn dã man ở khắp cả phía nam đất Trung-hoa và miền núi non Bắc kỳ ngày nay.

Muốn khảo xét đến các dân dã man ấy, có thể đứng về hai mặt:

1') hình-thể và phong-tục

2') ngôn-ngữ.

Về khoảng thứ nhất thì có không biết bao nhiêu bộ-lạc (tribus) mà cách ăn mặc, sinh hoạt, phong tục, đều tương tự nhau ! Người Tàu cũng có làm sách nói đến các bộ lạc dã man miền nam Trung-hoa, nhưng thiếu phương pháp khoa học, như cũng thời một giống dân mà đây thì tên vậy, chỗ kia lại tên khác, và cũng lắm chỗ nhận xét sai lầm ; thành ra không thể căn cứ ở những sách ấy để phân loại các bộ lạc ra, theo chủng tộc. Song lẽ cũng có thể biết được đại khái dân dã man là những dân nào.

Các bộ lạc nhiều nhất và đáng cho ta chú ý là : Mán, Mèo, Thổ, Nùng, Trung Cha, Chương, Lô-lô.

Ở rải rác khắp tỉnh Quý-châu, Vân nam, người Lô-lô nhiều nhất là ở dãy núi Đại-lãnh-sơn (Tứ-xuyên). Có thể chia ra hai thứ : người Lô-lô đen, và người Lô-lô trắng ; nhưng kỳ thật cũng còn nhiều loại Lô-lô nữa. Họ có chữ viết riêng biệt, và truyền rằng từ phía tây mà di dân qua đất Tàu, gốc gác thì là miền giữa Tây-tạng Diến-điện. Tên Lô-lô mà người Tàu dùng để chỉ bộ lạc ấy, nguyên không biết do đâu mà ra Người mình dịch là *La-quã*. Nhưng ông Bonifacy bảo rằng người La - quã khác với Lô-lô. Người sau này là giống Indonésien, có tiếng riêng biệt, còn người La-quã thì nói tiếng Thái. (1)

Người *Dao*, tức là Mán, xưa kia là Mán, theo truyền thuyết của họ, thì gốc ở phía đông nước Sở ; ngày nay ở rải rác khắp cả phía tây nam đất Tàu, miền thượng du Bắc kỳ và Lào. Tổ của họ là Bàng-minh-Hộ lấy con gái vua Bình-Vương nước Sở. Họ có tục bới tóc và vấn khăn đỏ. (2)

Ở các tỉnh Quảng đông, Quảng tây, Vân nam, còn có người *Chương*, khi xưa là *Lang binh*, ngày nay cũng gọi là *Sơn Nhon*, — người *Thổ*, chính là Thái như người Xiêm, Lào, đến ở rất lâu rồi. Người Thổ đảo Hải-nam cũng đồng một giống với người Thổ Quảng đông, Quảng tây, — Vân-nam có dân *Sa-nhon* (Cha jen) hậu duệ của chủ tướng Aunam (?)

— Giáp ranh Quảng tây — Bắcký có người Nùng đời nhà Tống có lập thành nước ; tiếng nói gần như tiếng Việt-nam, Thái.

Dân Miêu tử, ta gọi là Mèo, còn rất nhiều ở tỉnh Qui châu. Chính là con cháu của dân Tam Miêu ngày xưa.

Dân dã-mán miền nam Trung hoa còn nhiều nữa. Nhưng tựu trung, có thể chia ra ba nhóm :

1') Man-Miêu

2') Thái

3') Lô lô

Sở dĩ có thể chia ra ba giống dân như vậy, là nhờ căn cứ ở ngôn ngữ.

Tuy các nhà ngôn ngữ học chưa đồng ý nhau hẳn, nhưng đại khái có thể phân các tiếng nói ở miền đông nam châu Á ra hai loại lớn, tùy theo có hay là không lên giọng xuống giọng. (3)

A) Một giọng

1) Môn-khmer (Cao-mên)

2) Malayo-polynésien (Mã-lai, Chàm)

B) Nhiều giọng

1) Tây-tạng — Diến-diện

2) Tàu

3) Miêu-tử

4) Thái | a) Shan, Xiêm, Lèo, Tàì-trắng, Tàì-đen, Thố.

| b) Việt, Mường

Theo bản kê trên đây ta thấy tiếng Việt thuộc về loại tiếng Thái.

Ông H. Maspero bảo rằng tiếng Tàu đời thượng cổ và tiếng Thái có nhiều chỗ giống nhau lắm, và phong tục của xã-hội Thái ngày nay (đừng lộn với Xiêm) rất giống với của xã hội Tàu đời xưa. Thế nên ông cho rằng các giống dân trên đất Trung hoa đều do một chủng tộc mà ra. Sở dĩ có khác nhau như ta thấy hiện thời, là vì những bộ lạc ở đồng bằng được sự sanh hoạt thuận tiện nên tiến hóa mau hơn những bộ lạc ở núi non.

Do đó, ông Maspero chia các thứ tiếng nói miền đông nam châu Á ra hai loại : loại Tàu Thái (groupe sino thaï), và loại Tây tạng Diến diện (groupe tibéto-birman) (4)

Trái lại ông Przyluski phân ra 4 loại : Tàu, Tây-tạng Diến-diện, Thái và Miêu tử. Tiếng Thái gần với tiếng Miêu-tử hơn.

với tiếng Tàu (5). Thế thì bảo rằng các dân ở đất Trung hoa đều thuộc về một chủng tộc chưa hẳn là đúng vậy.

Theo thiên kiến của chúng tôi thì nếu hai dân tộc ở gần nhau thì thế nào cũng có mượn lẫn nhau những chữ mà trong tiếng của họ còn thiếu. Ở gần nhau lâu chừng nào thì những chữ mượn càng nhiều chừng nấy. Nhưng dầu thế nào đi nữa, nếu cách ráp câu (cú pháp) có khác nhau trong hai thứ tiếng, thì nó phải vẫn khác nhau luôn. Tiếng một (vocabulaire) có thể biến đổi, chứ cú pháp vẫn y nguyên. Cho nên chúng tôi tưởng, muốn xét nguồn cội của một dân tộc ngang qua ngôn ngữ phải lấy cú pháp là cái đặc biệt của tiếng nói, làm gốc vậy.

Cú pháp của tiếng Tàu và của tiếng Thái rất khác nhau. Có lẽ Hán-tộc và Thái, đời thái cổ ở gần nhau, nhưng không phải cùng chung một dòng giống. Điều nên đề ý nữa là tiếng Việt rất giống với tiếng Thái chẳng những về phương diện tiếng một (vocabulaire) mà lại về phương diện cú-pháp nữa. Cho nên cũng có thể nói rằng đời thượng cổ, tổ tiên người Việt Nam ở lân-cận với Hán-tộc.

Trong sách xưa của người Tàu không hề nói đến người Thái, chỉ có nói đến người Việt. Có lẽ tiếng Thái là một chi-nhánh của tiếng Việt, chứ không phải tiếng Việt là một chi-nhánh của tiếng Thái, như các nhà ngôn ngữ học đã thường sắp vậy.

Dọn đường cho bài tới, dưới đây chúng tôi dừng về phương diện cú-pháp mà thôi, nên dùng chữ *việt* thay cho chữ *thái*.

Theo cú pháp, có thể chia hết thấy các tiếng nói trên đất Trung-hoa ra làm 4 loại như sau này :

1. *Loại tiếng Việt*. — Cú pháp xuôi. Chữ phụ nghĩa đứng sau chữ được phụ nghĩa. Người Thổ (Quảng đông, Quảng tây), Nùng, Trạng-cha (Quảng tây, Quý châu), Chương, Giây, Mường... đều nói tiếng loại này.

2. *Loại tiếng Tàu*. — Cú pháp ngược.

3. *Tiếng Mèo tử*. — Cú pháp thì nửa Việt, nửa Tàu, hay nói đúng hơn, giống Tàu chỉ ở chỗ danh từ (nom) phụ nghĩa đứng trước danh từ được phụ nghĩa. (6)

Người Mèo Mán (Miêu Man) nói tiếng loại này.

4. *Loại tiếng Lô-lô*. — Cái đặc biệt của cú pháp tiếng này là động từ verbe lại để sau túc từ (complément) (7)

Thí dụ : tôi bông hái (= tôi hái bông).

Theo ông Bonifacy, tiếng Lô lô thuộc về loại nhóm Tây tạng Diến điện (groupe tibeto birman). Điều này rất dễ hiểu, vì người

Lô lô là giống Iadonésien, từ phía tây, và g Diến diện Tây tạng
ui dân qua tây nam Trung hoa và Bắc kỳ. Họ đến ở xứ sau này
trước người Việt, như đã thấy trong một bài trước.

Đã nhận đặc tính của 4 loại ngôn ngữ trên kia, ta thấy rằng
tiếng Miêu tuy khác với tiếng Tàu và tiếng Việt, nhưng cũng
có chỗ giống ; thành thử có thể coi là một tiếng trung gian. Điều
đó chỉ rằng ngày xưa dân Miêu và Man ở giữa, một bên người
Tàu, một bên người Việt. — Điều nên để ý nữa, là Thổ - dân ở
Quảng-đông, Quảng-tây, nghĩa là những dân đã đến ở cố cựu
đất ấy trước người Tàu, đều nói một thứ tiếng loại tiếng Việt.

Tôi muốn kết luận bài này mà nói quã quyết rằng tổ tiên
của người Việt-nam, nguyên-thủy ở lưu vực sông Dương - tử,
không phải là dân Miêu và Man. (Còn nữa)

LÊ-CHÍ-THIỆP

(1) — *La frontière sino-annamite par Devéria (Paris 1886).*
— *Les groupes ethniques du bassin de la Rivière Claire*
par le Commandant Bonifacy.

(2) — *BEFEO, tome VIII, 1908.*

(3) — *Indochine par Georges Maspero.*

(4) — *BEFEO, tome XI. — Le origines de la civilisation*
chinoise par H. Maspero (Annales de géographie, mars 1926). —
BEFEO, tomes XIX, XX, V.

(5) — *Les langues du monde (Paris, 1924).*

(6) — *Langue Mia tseu par F.M. Savina BEFEO (1916)*

(7) — *Notions de grammaire Lolo par M. Alfred Liélard*
(BEFEO, 1909, p. 285). — *BEFEO (1902).* — **L.C.T.**



Nước Pháp mới gêu cần cho có những người tới hoạt động
với một tâm hồn mới ; nước Pháp sẽ có những người ấy.

Thượng-lương TÊTAIN

GIA-ĐÌNH ĐỒNG-NAI

*Nhà bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia-định Đồng-nai thì về.*

PHONG DAO



GIA-Định nguyên xưa là một cái phủ kiêm lý hai huyện : 1') Huyện Phước-long, sau đổi lại làm phủ, thuộc về trấn Biên-hoà. (Trong « Hoàng-Việt địa dư chí » lại nói thuộc về trấn Vĩnh thanh). 2') Huyện Tân bình, sau đổi lại làm phủ, thuộc về trấn Phiên-an.

Sau lại đổi làm thành Gia-định, thuộc hạt có 4 trấn, 4 phủ, 15 huyện, và phụ thêm 1 trấn Hà-tiên, 2 đạo, 2 huyện :

1') Trấn Phiên-an, 1 phủ (Tân-bình) 4 huyện (Bình-duyên, Tân long, Phước-lộc và Thuận-an) ;

2') Trấn Biên-hoà, 1 phủ (Phước-long), 4 huyện (Phước-chánh, Bình-an, Long-thành và Phước-an) ;

3') Trấn Định-tướng. 1 Phủ (Kiến-an) 3 huyện (Kiến-dăng, Kiến-hưng và Kiến-hoà) ;

4') Trấn Vĩnh thanh, 1 phủ (Định-viên) 4 huyện (Vĩnh-bình, Vĩnh-an, Tân-an và Vĩnh-định).

5') Trấn Hà-tiên, 2 đạo, 2 huyện. (Đạo Long-xuyên, Huyện Long-xuyên ; Đạo Kiên-giang, Huyện Kiên giang).

Phủ Giađịnh ở về phía nam đất Bình thuận. Đời chúa Nguyễn Minh-Vương năm thứ 7 (1698) sai tướng vào đánh Cao miên, lấy đất tốt Đồng Nai, đặt làm phủ và lại lập dinh Trấn biên và dinh Phiên trấn, mở mang đất đai đến ngàn dặm, số hộ khẩu được hơn bốn muôn, sau lần lần số binh càng ngày càng đông, tài phú càng ngày càng thịnh, so với trấn Quảng-nam lại là phần hơn.

Đất Đồng-Nai từ Cần-Trạch, Saigon, Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào toàn là rừng rú, rộng lớn hơn ngàn dặm, chúa Minh Vương dời những dân có vật lực ở Quảng nam, Điện Bàn, Quảng nghĩa và Qui nhơn vào ở, phá rừng bụi thành ra ruộng đất bằng phẳng màu mỡ, để cho dân được tự tiện chiếm lấy, lập vườn cất nhà mà ở, lại đem những con trai con gái ở trên nguồn xuống gả bán cho nhau, sanh con đẻ cháu, lập nghiệp làm ăn, ngày thêm.

giàu có, ruộng đất thật nhiều. Có người giàu hoặc bốn năm mươi nhà, hoặc hai ba mươi nhà, mỗi nhà nuôi gia bần đến 5, 6 chục người. Trâu bò hơn vài ba trăm con, cây cày trồng tĩa, chẳng hề ở không. Mỗi năm hễ tới tháng 11, tháng chạp, thì giã gạo bán lấy tiền xài Tết. Đến tháng giêng thì tiền không còn dư. Còn ngày thường thì giã gạo chõ ra Phú-xuân (Huế) đổi lấy hàng lụa lảnh nhiều Tàu đem về may quần áo mặc, ít có dùng vải bô. Trong xứ sông rạch nhiều như mắt cửi, đi bộ không được, phải dùng xuồng, ghe. Người giàu có thì dùng ghe thuyền lớn để thông lưu trong sông rạch lớn. Từ cửa biển đến đầu nguồn đi 5, 6 ngày chưa hết, ruộng đất mình mông, ngô mứt con mắt.

Làm ruộng thì chỉ có giống lúa gạo trắng và nếp, như là :
Lúa mắt cửi, nhỏ hột mà dài như bông, nấu cơm mùi thơm ;
lúa cà-dung hột lớn mà trắng ; lúa móng tay, hột tròn trắng,
nấu cơm nở nhiều. Lúa cơm mướt, hột lớn mà dài, trắng mà
thơm. Lúa cơm lức, hột dài, lớn mà nhuyển ; nếp thang, hột nhỏ
mà mềm, nếp lạp hột dõ lớn và thơm. Tháng năm thì gieo
mạ, tháng bảy cấy, tháng mười gặt, đến tháng giêng tháng hai
mới làm rồi mùa. Vườn cây trai thì trồng cau nhiều. Tục ngữ
có nói : « Một lúa hai cau » (tức là nhứt lúa nhì cau) dân thường
không bầu, để khô rụng (gọi là cau Tầm-Vung) lấy hột bán
cho người Tàu.

Nhưng trước đây nhằm đời chúa Nguyễn Hiền Vương năm thứ 31 (Kỷ mùi 1679) có bọn Trần thượng Xuyên, Dương ngạn Địch và Huỳnh Tiến (đều là người Tàu) làm quan nhà Minh. Khi nhà Minh mất họ không chịu theo nhà Thanh, bèn đem gia quyến và thũ hạ hơn 3.000 người và 50 chiếc chiến thuyền đến đậu ở cửa biển Tư-niên (Huế) và cửa biển Đà-nẵng (Quảng-nam) bày tỏ sự tình và xin làm tôi Nam-triều. Chúa giao cho đình thần hội nghị, Đình-thần tâu rằng : « Bọn Trần-thượng-Xuyên là người Tàu, tiếng nói và cách ăn ở khác với ta, khó sai khiến được. Song cũng nên nghĩ tình chúng ma cho qui thuận, không nở cự tuyệt. Nay có đất Đòng-phố ở Chân-Lạp, đồng ruộng rộng hơn ngàn dặm, Triều-đình chưa kịp kinh lý, nên cho bọn chúng vào đó ở để khai khẩn ruộng đất, như thế thì được vẹn cả mọi bề ».

Chúa nghe theo lời tâu, bèn cho Trần thượng Xuyên đến cửa biển Cần-giờ, cắm trại ở đất Trấn-biên (Biên hòa); Dương ngạn Địch và Huỳnh Tiến thì đến cửa biển Sỏi rập, cắm trại

ở đất Mỹ tho (Định tường) mở mang đất hoang lập ra phố xá, Người Tàu và người các nước phương Tây, Nhứt bốn, Đồ-bà, tàu bè chở đồ tới buôn bán rất đông. Từ đó phong tục Trung-huê lần lần lan khắp ở đất Đông-phố và trở nên một xứ vui vẻ náo nhiệt.

Đến đời chúa Nguyễn Nghĩa-Vương (1687-1691) Hỳnh-Tiến giết Dương ngạn-Địch ở cửa biển Mỹtho, rồi tự xưng là phẩn đông hồ oai tướng quân, đóng quân ở Nam-khê, cướp bóc đất Chân-áp. Việc ấy đến tai Triều đình, chúa bèn sai Phó-tướng dinh Trấn biên là Mai-vạn-Long đem binh tới đánh, Huỳnh-Tiến thua chạy và chết. Mai vạn-Long bèn chiêu tập bọn dư đảng Long-môn rồi giao cho Trần-thượng-Xuyên quản lãnh bọn ấy và đóng quân ở dinh-châu, tiến lên đánh phá được Chân-Lạp.

Qua đến đời chúa Nguyễn Minh-Vương (1691-1725), vua Chân-Lạp là Nặc-Thu làm phản. Trần thượng Xuyên tâu việc ấy về Triều. Chúa sai Nguyễn hữu Cảnh (chữ này, tiếng Bắc gọi « Kinh » là gương) và Phạm cầm Long lãnh binh 2 dinh Bình-khương (Khánh hòa) Trấn biên (Biên hòa) và 7 đội chiến thuyền ở Quảng nam, hiệp với tướng sĩ Long môn vào đánh.

Năm Canh thìn (1700) Trần thượng Xuyên đánh thắng luôn được mấy trận. Nguyễn hữu Cảnh kéo binh thắng đến thành Nam vang. Nặc-Thu phải ra hàng tại cửa quân.

Năm Giáp ngọ (1714) Nặc Thâm đến vây, Nặc-Yêm sai người đến dinh Phiên trấn và Trấn biên cầu cứu. Chúa sai Trần thượng Xuyên làm Đô đốc Phiên-Trấn đem binh đến Saigon và sai Phó tướng Trấn biên là Nguyễn Cửu Phú đem binh đến Soi-ráp, có thủy quân đóng ở Mỹtho để làm thanh viện.

Bọn Trần thượng Xuyên, Nguyễn Cửu Phú đem tướng sĩ hiệp với Nặc Yêm vây Nặc Thâm ở thành La-vách. Nặc Thu phải viết thư xin lỗi và xin lập vua mới để giữ nước. Năm Ất mùi (1715) Nặc Thu ở trong thành La-vách tình thế cùng khốn, bèn phóng hỏa đốt thành mà trốn. Nặc Thu nghe tin ấy cũng trốn luôn.

Trần-thượng-Xuyên và Nguyễn - Cửu - Phú nên đốc binh vào thành. Sau lại nghe Nặc-Thu ở tháp Bạng-thủy, liền sai Nặc-Yêm đến dụ ra hàng. Nặc-Thu sợ không ra, xin nhường ngôi cho Nặc-Yêm. Trần-thượng-Xuyên và Nguyễn-cửu Phú tâu về triều. Chúa bèn phong cho Nặc-Yêm làm vua Chân-Lạp. Nhưng qua tháng tư năm ấy, người nước Tiêm lại muốn cất quân giúp cho Nặc-Thâm, Nặc-Yêm sợ, sai người đem tin cáo cấp. Trần-thượng-Xuyên và Nguyễn-cửu-Phú lại tâu về Triều ; chúa bèn cho phép

hai tướng ấy tùy nghi mà xử việc. Sau Trần-thượng-Xuyên chết, con là Trần-dại-Định thay thế được làm chức Thống binh. Đời Chúa Nguyễn-Minh-Vương (1725-1738) có người Lèo tên là Sa-Tốt đem binh Chân-Lạp vào cướp Gia-định. Trần-dại-Định dẫn quân Long-môn đánh phá được giặc ở Vườn-Trầu Sa-Tốt phải chạy về Cầu Áo. Trần-dại-Định lại hiệp với quan Điều-khiển Trương-phước-Vĩnh, quan Giám-quân Nguyễn-cửu-Chiêm chia quân ra làm 3 đường tiến đánh, giặc thua to, tan vỡ mà chạy. Trần-dại-Định tiến quân đến giữ Cầu-Nam. Vua Chân-Lạp Nặc-Thu sợ chạy ra Sơn-phủ. Năm Nhâm-tý (1732) giặc lại kéo đến đánh. Trần-dại-Định và Trương-phước-Vĩnh đem binh đuổi đánh rồi kéo thẳng đến Lư-Việt, giết giặc không biết bao nhiêu mà kể, từ đó mới được yên.

Đời chúa Nguyễn Võ-vương năm Canh ngọ thứ 12 (1750) vua Chân Lạp Nặc Nguyên cất quân xâm vào Côn Mao, thuộc đất Thuận thành. Năm thứ 15 (1753) Chúa sai Thống soái là Thiện chánh hầu và Tham mưu là Nguyễn cư Trinh đem binh 5 dinh đi đánh, 4 phủ Soi rap, Tầm bon, Cầu Nam và Nam-vang xin hàng. Nguyễn cư Trinh chiêu phủ dân Côn Mao và bộ lổng hơn 5.000 người về đóng ở núi Ba - đình. Đến sau Trương phước Du vào thay cho Thiện chánh-hầu làm Thống soái lại tiến đánh đến Nam vang. Nặc Nguyên phải chạy ra Hà-tiên mà nương nhờ Mạc thiên Tứ. (Trong « Hoàng việt địa-dư chí » lại nói Nặc Nguyên chạy ra La-vách) và xin dựng 2 phủ Soi rap, Tầm bon mà chuộc tội.

Chúa chưa chịu nhận, thì Nguyễn cư Trinh dựng thơ về tâu rằng : « Từ xưa dùng binh, chẳng qua chỉ trừ một kẻ cừ khôi để mở mang bờ cõi. Nay Nặc Nguyên đã biết ăn năn tội lỗi, nạp đất xin hàng, nếu không cho Nguyên hàng, thì chắc Nguyên phải trốn tránh.

« Từ Gia định đến La vách đường trường cách trở, đuổi theo cũng khó, vậy muốn mở mang đất đai, thì nên lấy đất 2 phủ này để cho phía sau 2 dinh thêm vững thế. Năm xưa khai thác đất Gia định, cũng phải lấy đất Hưng phúc trước (tức là Phước long thuộc Biên hòa) kế lấy đất Đồng-Nai để cho quân dân được vững vàng, rồi mới lấy đến Saigon. Ấy là kế « Tầm ăn » đó. Nay đất cũ từ Hưng phúc đến Saigon, đi độ 2 ngày mà dân cư chưa được yên ổn, phủ binh cũng chưa đủ phân phái, huống chi từ Saigon đến đất Tầm-bon, đường đi 6 ngày thì lấy đâu cho đủ binh lính trú phòng được ? Vả lại người Cao-miên

giỏi về nghề đánh bộ, người Chân Lạp cũng đã sồn lòng. Nếu lấy đất ấy mà cho Côn Man ở, để cho chúng chế ngự lẫn nhau, ấy là cái cách « dùng người Mán đánh người Mán » cũng là chước hay, vậy xin chúa thượng nên cho Nặc Nguyên chuộc tội ma nhận lấy đất 2 phủ ấy giao cho hạ thần xem xét bình thế, đặt lũy đóng quân, chia cấp ruộng nương cho binh dân, và định địa giới mà cho thuộc vào châu Định Viễn, để thôn lấy toàn cõi ».

Chúa nghe lời tâu ấy bèn cho Nặc-Nguyên dẫn hàng. Chẳng bao lâu Nặc-Nguyên chết. Người chủ họ là Nặc-Nhuận quyền xem việc nước, lại dưng 2 phủ Ba thắc và Trà vinh, sau Nặc Tôn lại dưng luôn Tầm-bôn-long và 5 phủ Hương-áo, Cần-bột, Chân-sâm, Sai-mạt, Linh quỳnh để tạ ơn Mạc-thiên-Tứ.

Mạc-thiên-Tứ dưng cả về triều. Nguyễn-cư-Trinh lại xin dời dinh Long-bồ (nguyên ở về xứ Cái bần, thuộc Định tường) đến xứ Tầm bàu (làng Long hồ, nay tỉnh lý Vĩnhlong) ở Sadec thì đặt làm đạo Đông khấu, ở Tiền giang thì đặt làm đạo Tân châu, ở hậu giang thì đặt làm đạo Châu-đốc (An-gang) và lấy 5 phủ Hương áo thuộc về Hà-tiên đặt làm đạo Long xuyên và đạo Kiên-giang, Cỏi Nam mở mang đến bây giờ mới thật là rộng.

Kịp đến triều vua Gia Long (1802-1820) Minh-Mạng (1820-1840) trở về sau, thì Gia Định Đồng Nai đã thành ra Nam kỳ lục tỉnh, phủ huyện đặt ra nhiều, tổng xã sửa lại hết. Ruộng đất càng ngày càng khai khẩn, dân cư càng ngày càng trù mật. Giàu sang trời dành sẵn, huê lợi đất phần hơn. Về văn học thì không thiếu chi người thi đậu làm quan, Về phẩm hạnh thì không thiếu chi kẻ thanh cao tiết-tháo. Pháp luật rất nghiêm-minh. Chế độ thật đúng đắn rõ ràng là tục tốt thói hay, không thẹn với hai chữ « Tổ xưng trung nghĩa ».

Nhưng phong hội vẫn xây, tang thương biến đổi. Gia-định Đồng Nai lại thuộc về tay nhà nước Pháp chiếm lãnh. (Năm Tự Đức thứ 12 Kỷ mùi 1858) kinh dinh mau lẹ, đô hội khác thường.

Lầu đài phố xá, tòa dọc dãy ngang. sông rạch cầu đường, ngay hàng thẳng lối. Tàu ghe nườm nượp, xe ngựa dập diu, ruộng đất thì không còn một chỗ bỏ hoang. Nhon dân lại không có một ai than đói. Học hành thì chữ Pháp chữ Nhứt, chữ Anh, buôn bán thì người Việt người Chà người Chệt. Sóng cạnh tranh bữa khắp, nền công nghệ khuếch trương. Trí hoa được mở mang, làm ăn càng thịnh vượng. Lại thêm khí hậu trời đất,

mưa nắng thuận thời, không bao giờ có bão lụt, nên mùn màng thất ít mà trúng nhiều. Lúa thóc mỗi năm bán ra nước ngoài không biết cơ man nào mà kể. Người ta cho là : « Nhứt Đồng-nai..., hay là « Vựa lúa Đông-Pháp », cũng không phải là ngoa vậy. Còn trên rừng thì cây gỗ, dưới nước thì cá tôm, nguồn lợi huyền thiêu, mặc sức mà thừa hưởng. Chúng ta sanh trưởng ở đất này, được sự sung sướng, thì cũng nên chiêm tiền cổ hậu, ghi nhớ lấy câu . « Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ người, đào giếng » mới phải là đạo làm người vậy.—

THƯỢNG-TÂN-THỊ



PÉTAİN CÁCH NGÔN

A-ĐÔNG TRIẾT-LÝ HIỆP-GIẢI

Soạn-giả : ĐẶNG-THỨC-LIÊNG và HỒ VĂN-TRUNG

là một quyển sách có nhiều câu cách ngôn của Thống chế Pétain. Mỗi câu cách ngôn ấy đều có câu triết lý của bậc Thành Hiền Á Đông chiếu đối bằng Hán văn, Việt văn và Pháp văn. Lại cũng có lời phụ giải chung, thật rõ ràng.

Sách in khéo, bìa đẹp, khổ lớn, giấy tốt

đầy 120 trang, Giá :	Giấy thường	1 \$ 50
	Giấy tốt	3 00

Mua sĩ sách và tiểu thuyết có huê hồng nhiều, xin thương

lượng với ; HỒ-VĂN KỶ-TRẦN
Quản lý Nhà xuất bản « ĐẠI VIỆT »
5, Rue de Reims — SAIGON

RỪ' O'NG VÀNG CỦA CON TÔI

Mỹ-Âm TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG

(Tiếp theo)



l một quãng đường xa, vừa đời vừa khát, vừa nằng nôi mỗi một ngang đường gặp một cái quán, bâng bề là quán Nghinh-hương, bên lưng đứng ghé vô dặng mà dứt nằng đỡ chút. Ngồi ngẫm-ngẫm đến thời đời đen bạc, bèn lấy miếng than vạch vô vách tường trong quán, đề bài thơ cảm khái và than thở ngậm ngùi. Thét rồi đứng dậy ra đi, vừa bước ra cửa quán thì bỗng thấy một ả thiếu-nữ đứng tại đó, xuân xanh lối ngoài hai mươi tuổi, mặt hoa mày liễu, mà thái độ coi bộ trang trọng tuyệt vời. Đứng sau lưng có một con hầu, mang theo những đồ tư trang rất hậu, và chủ tớ ăn mặc lịch sự, coi ra vẻ con nhà đại phú hào. Tuy vậy mà đối với Lưu thì môi đào chúm chím cười duyên, đôi lần thu thủy đưa tình một cách trực tiếp. Thấy ả lẳng mạn như vậy, nên chàng mới dăm đánh bạo mà lân la trò chuyện, trước còn chuyện xa, sau lần lần tới chuyện gần, mà hỏi thăm đến thân thế, thì nàng xưng khuê tự là Châu Long và tự do tỏ bày tâm sự rằng : «Thưa thầy, em là gái nhà nọ, những trông gần gần thư hương, dặng kết duyên văn tự. Chẳng dè cha mẹ em ép uồng mà gã vào nơi không xứng đáng, uyên ương trái lứa, vậy phải cắt mình ra đi mà tránh mối tơ Nguyệt lão xe quàng. Nay giờ lại đây, thấy thầy đề thơ và ngậm ngùi than thở, em vẫn đứng bên nghe lén, chắc rằng trong lòng thầy có điều chi bất nguyện ; vậy thầy hãy tỏ thiệt cùng em, họa chăng em có ý kiến nông cạn gì vì thầy phân giải ».

Lưu bèn kể ra thân thế tâm sự, nào là nổi nhà sa sút, nào là nổi mình lận đận, cùng là tình bạn bè ăn ở bội bạc, hết thấy tỏ thiệt cùng nàng. Nàng vừa nghe lời chàng phân thì chừng như lộ ra vẻ bất bình, mà khẩn khái hứa với chàng rằng : « Em đây chẳng phải là nữ hiệp sĩ mà dám lãnh lấy cái trách nhiệm vì người bài nạn giải phân ; cũng chẳng phải là nữ thuật sĩ mà dám nhận lấy cái kiến thức vì người mà đoán số định mạng.

Nhưng cứ đem cái kiến giải bình thường mà xét, thì em coi thầy tài mao dương ấy, học thức dương ấy, dám chắc rằng rồng chẳng ở ao cạn, phụng chẳng đậu nhánh gai. Em đi đây có đem theo tư trang ít nhiều, đủ tư cấp cho thầy trong khi đèn sách. Song trước khi em theo thầy, hãy xin định một điều ước ; số là em đi đây bởi chuyện nhơn duyên lỡ dở nên phải nhơn duyên dụng quyền mà lánh đi đặng từ đồ về sau, chớ em chẳng phải là gái giang hồ dám mao muội làm chuyện trên Dầu trong Bộc, ấy là một lẽ bồn lai của em như vậy. Còn lẽ thảng lai này là em thấy thầy là trang hào kiệt mà gặp bước tiền trình truân-kiến, nên muốn học theo cao phong nghĩa hiệp mà giúp công đèn sách, là chuyện giữa đường dẹp sự bất bình mà tho. Còn trăm năm dầu có duyên gì, thì chớ sau khi thầy đã thành danh, sẽ định sinh đàng hoàng, chớ chuyện cầu hợp thì quyết nhiên em không dám lãnh mạng.

Được lắm, nghe lời nàng hứa như vậy, thì ý chàng hết sức kính phục ; bởi vậy chàng vội vã ký điều ước liền. vì thấy nàng có tài, có sắc, lại có khí nghĩa hiệp, lại đủ làm giọt nước *Trang sanh* mà tưới nhuận lớp vảy cá khô của chàng, thì còn ngần ngại điều chi nữa.

Điều ước đã định, bèn nối gót cùng đi. Về tới quê hương thì nhà chàng Lưu chỉ có một miếng đất trơ trụi, trước đây dùm một chòi thảo lư Gia-Cát, làm phòng sách mà ngồi ôm gối ngâm dài. Bây giờ nàng Châu-Loung mới bỏ tiền nhà ra sắm vật liệu, mướn công tác, cất một căn nhà gỗ, ngăn vách ván phân cách trong ngoài, để chàng đọc sách tập văn tại nhà ngoài mướn một tên tớ trai hầu chàng ; còn nàng thì chủ và tớ khóa cửa then trong, ở trong phòng cung cấp cho chàng đủ các thứ tư liệu về đèn sách, bút nghiên, thức ăn, đồ mặc cho chỉ xây xài mọi việc, cũng không thiếu một thứ gì. Từ đây chàng mới yên lòng mà chăm chỉ học hành, không còn dám giữ cái thói ỷ tài thông minh mà trễ trãng thờ công như trước nữa.

Ba năm rèn tập đã tới khoa thi. Kỳ thi này chàng giut giải hương nguyên, liền gởi thơ về nhà báo tin mừng với bà Cống hậu bồ. Lúc này thì ông Cống Bình nhà ta vẫn định ninh một dạ : trời không phụ người đọc sách, mà ta không phụ kẻ có công ; đã đại đấng khoa rồi, ao gắm về làng phen này, luôn dịp mà tiền đăng-khoa, vinh qui với vu qui sẽ hiệp làm một tiệc, làm ra tỏ mặt, khiến cho kẻ bạc giao mở mắt mà coi !

(Còn nữa)

ÁI-TÌNH MIẾU

TIÊU-THUYẾT CỦA HỒ BIỂU-CHÁNH

(Tiếp theo)



DÔNG-hồ gỏ 3 giờ. Vợ chồng Trường bàn tính đặng đi về. Bà giáo nói : « Khoan, trời còn nắng lắm, ở chơi một chút nữa dĩa nắng rồi sẽ về. Đề tôi đi kiểm trái cây tôi hái đặng tôi gởi cho bà giáo-sư và con cháu tôi. Chuyến này bốn thân tôi đi kiểm mà hái mới có tình.»

Bà giáo nói dứt lời, bà liền đứng dậy đi vô trong kêu người nhà đi theo bà mà hái trái cây.

Cô Lý với cô Mỹ biểu Phúc dắt đi vô trong đặng cho hai cô biết hết trong nhà từ trước ra sau. Phúc sẵn lòng dắt đi liền, rồi dắt luôn đi kiểm bà giáo đặng phụ mà hái trái cây với bà.

Cô Mỹ thấy bà giáo cắt thơm, hái giâu, hái sa-bô-chê, hái trái vú sữa cả thùng thì cô nói :

— Bác hái làm chi nhiều dữ vậy ? Xin bác thôi, đừng hái nữa.

— Đề tôi hái thêm một mớ nữa đặng tôi cho con cháu tôi.

— Bác hái hết vườn còn gì.

— Dễ hết đâu !

Cô Mỹ lắc đầu mà cười, còn cô Lý cảm xúc nên không nói được một tiếng nào hết, chỉ ngó bà giáo với cặp mắt dạn-diu.

Hái trái cây xong rồi mới dắt nhau trở vô nhà. Khách đem đồ ra xe rồi từ giả mẹ con bà giáo mà lên xe. Bà giáo vịn vai cô Lý mà nói : « Ngày nào má được rước con về ở chung một nhà với má thì má vui lắm ».

Mấy lời thân-thiết ấy làm cho cô Lý động lòng, cô không suy nghĩ kịp, nên cô nói bươn : « Con cũng vui như má ».

Được cô Lý kêu bằng má, bà giáo hớn hỡ phĩ lòng, bà ngó cô Mỹ mà nói tiếp : « Chắc chắn sáng mai sẽ có tôi xuống ».

Xe hơi chạy đã khuất rồi, mà bà giáo với Phúc vẫn còn đứng ngo theo.

X



HÚC được gần cô Lý, rồi nhờ cô Lý nhen nhúm giùm lại bếp lửa lòng đã nguội lạnh, nên chàng nhút định quên cô Hạnh mà kết nghĩa vợ chồng với cô Lý.

Cô Lý vì chán ngán cảnh đời rục-rỡ bề ngoài mà giả dối bề trong, lại vì cảm tênh tình chất-phức mà thâm trầm của Phúc, nên đành xa lánh các cuộc vui sướng về hình thức để vui thân trong chốn vườn rẫy mà cứu chữa giùm tâm bệnh cho Phúc rồi thưởng thức cái tình chơn chánh của Phúc.

Bà giáo Viên hay con đã dối trí nên chịu cưới vợ, thì bà mừng rỡ, lại thấy cô Lý vừa xinh đẹp, vừa lanh lợi, thì bà thương yêu, nên bà nong-nả muốn nói mà cưới dâu cho mau.

Ông Thịnh sẵn lòng gả con lấy chồng đáng ông thông-thả, hễ con ưng dâu thì ông gả đó, ông không kén chọn.

Vợ chồng giáo sư Trường vì tình bằng hữu với hai bên, nên vui lòng lãnh làm mai, dặng gây dựng cuộc gia thất này mà làm cho tình bằng-hữu nọ càng thêm khấn-khít.

Mỗi người đều xuôi thuận hết, tự nhiên cuộc hôn nhơn tán thành rất dễ dàng. Bữa trước vợ chồng Trường với cô Lý đi Bến-súc về, thì sớm mai bữa sau bà giáo Viên với Phúc xuống mà nói chánh thức cậy vợ chồng Trường làm mai. Vợ chồng Trường liền lên nhà ông Thịnh mà tố việc Phúc muốn cầu hôn cho ông biết, rồi xin ông cho phép mẹ con Phúc đến nhà thăm. Ông Thịnh hỏi con thì con chịu, nên ông liền cậy vợ chồng Trường mời mẹ con Phúc buổi chiều đó lên nhà uống nước trà dặng biết nhau và nhơn dịp nói chuyện hôn nhơn luôn thể. Ông vui vẻ tiếp khách và nói với bà giáo rằng đời nay mình có con, trong cuộc hôn nhơn mình phải để cho con tự do lựa chọn, hễ con đành dâu thì mình định dờ, không nên ép duyên con. Mà để nhút định gả rồi thì không nên làm khó, dòi đủ lễ lẽ, phải nhập các lễ lại mà làm một lễ cưới cho tiện. Bà giáo thấy sui gái dễ như vậy bà càng thêm mừng, bà xin phép về chọn ngày tốt rồi bà sẽ cậy vợ chồng Trường cho ông Thịnh hay dặng sắp đặt lễ cưới. Ông Thịnh nhận lời, song xin hãy cho ông biết trước vai tuần lễ.

Mẹ con bà giáo về chọn ngày rồi cách 3 bữa sau Phúc trở xuống Saigon cậy vợ chồng Trường dắt lên nhà ông Thịnh mà trình ngày cưới.

Đám cưới thì Phúc không chịu làm rình rang bề ngoài, mời khách thì chỉ mời bà con cô bác trong thân mà thôi. Nhưng mà Phúc lo lắng dọn nhà dọn vườn rất kỹ lưỡng, bốn thân coi sắp đặt cái chỗ để rước người yêu cho xứng đáng.

Còn ông Thịnh, là một nhà giàu mới, làm việc gì ông cũng muốn se sua. Ông gửi thiệp mời khách nhóm họ trên một trăm, ông cậy các nhật báo đăng tin mà bố cáo đám cưới, ông dọn nhà cửa hực hỡ, ông đặt cỗ bàn ề hề.

Đến bữa cưới, họ đang trai đi bốn xe hơi. Lúc làm lễ từ đường rồi, ông Thịnh biểu Phúc cởi áo rộng đăng ra ngoài ngồi dự tiệc với họ.

Phúc ngồi chung một bàn với Trường và sáu ông khách lạ Phúc không biết.

Cô Lý mặc y phục thiệt quý, trang điểm thiệt đẹp, cô cũng ra ngồi ăn cơm với cô Mỹ và nhiều chị em khác.

Lúc tiệc gần mãn, Phúc nghe phía sau lưng có một người nói : « Ê, toa coi phải cô Lý đẹp hơn các cô hết thấy hay không? Mỗa tiếc quá, lúc mỗa quen với M. Thịnh thì mỗa đã có vợ rồi. Nếu mỗa chưa có vợ, thì cô Lý làm sao mà lọt vào tay người khác được ».

Phúc nghe người ta khen nhan sắc vợ mình thì đắc ý, song muốn biết coi người khen ấy là ai, nên day mặt ra phía sau mà dòm. Phúc thấy người ấy còn trai, mặt mày sang sủa, bộ tướng bảnh bai, mặc một bộ đồ Tây nữ xam rất đẹp.

Tiệc mãn rồi, họ đang trai trình lễ rước dâu. Phúc mặc áo rộng lại, hiệp với cô Lý, cũng mặc áo rộng, mà bài từ đường rồi ra cửa dặng lên xe. Phúc cứ ngó người trai mặc đồ nữ xam hồi nãy hoài, thấy người ấy đi khít một bên cha vợ mình rồi cũng lên chung một xe với ông.

Chừng xe chạy, Phúc muốn biết coi người mặc đồ nữ xam đó là ai, nên hỏi vợ :

- Ai đi chung một xe với ba đó ?
- Em không thấy.
- Người đó còn trai, mặc bộ đồ nữ xam.
- Người anh nói đó chắc là anh Huồn, bởi vì họ đang gả có một mình anh Huồn mặc đồ nữ xam. Anh hỏi chi vậy ?
- Hỏi cho biết vậy ma !

(Còn nữa)

(Autorisé par arrêté du Gouverneur Général

N° 800-N du 17 Juillet 1942)

Imprimerie THANH MẬU
3, rue de Reims - Saigon

L'Administrateur Gérant :
— HỒ VĂN KỶ TRẦN



